

Giới thiệu khung phân loại LCC



Khung phân loại Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (LCC - *Library of Congress Classification*) nguyên là được thiết kế để tổ chức, phân loại và sắp xếp kho sách của chính thư viện này, lần đầu tiên được phát triển từ cuối thế kỷ XIX và sang đầu thế kỷ XX đã có nhiều thư viện khác sử dụng, đặc biệt là các thư viện đại học lớn ở Hoa Kỳ. Phạm vi sử dụng rộng dần và vượt ra khỏi lãnh thổ của Hoa Kỳ. Đến nay LCC cùng với DDC là những hệ thống phân loại được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Văn phòng hỗ trợ và chính sách biên mục của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (*Library's Cataloging Policy and Support Office*) bảo trì và phát triển hệ thống.

Khác với khung phân loại DDC được Melvil Dewey một mình xây dựng để sử dụng trong tất cả các loại hình thư viện. Khung phân loại LCC được xây dựng dựa trên cấu trúc kho sách của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ. Bản chất chuyên biệt của thư viện này đã ảnh hưởng đến toàn bộ khung phân loại. Thư viện Quốc hội bao gồm nhiều sưu tập, mỗi sưu tập được chứa vào những nơi khác nhau. Hậu quả đưa đến khung phân loại bao gồm nhiều bảng phân loại riêng biệt được thiết kế bởi những chuyên gia chủ đề khác nhau.

Sự tiện lợi trong tổ chức và quản lý việc sử dụng khung phân loại LCC có ảnh hưởng lớn đến những thư viện hiện đại. Việc sử dụng miễn phí những biểu ghi LCC trong hệ thống mục lục của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ và những mục lục liên hợp có chứa biểu ghi LCC (chẳng hạn như COPAC ở vương quốc Anh) đã thu hút hầu hết những thư viện quan tâm đến việc sao chép biểu ghi hơn là tự mình xây dựng. Đó cũng là lí do khiến khung phân loại LCC ngày càng phổ biến.

Khung phân loại LCC được xem như một hệ thống đầy tiềm năng cho việc áp dụng rộng rãi trong thời đại trực tuyến thông qua nghiên cứu việc sử dụng LCC như là một công cụ để:

- Phân chia thành nhiều phần những kho tin lớn;
- Tạo nên những nguyên tắc phân loại miền chuyên biệt (*domain-specific classification*) trên internet;
- Tích hợp phân loại và những thuật ngữ đề tài có kiểm soát cho việc truy hồi thông tin trong mục lục truy cập công cộng trực tuyến (OPAC) và trên internet.

Hiện nay khung phân loại LCC được dùng nhiều trong các thư viện đại học và nghiên cứu, đặc biệt là trong những thư viện chuyên ngành hẹp, chẳng hạn như thư viện của Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Lịch sử LCC

Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ được thành lập theo lệnh của Quốc hội vào tháng Giêng năm 1800 thông qua một đạo luật về xây dựng thư viện của lưỡng viện Quốc hội. Theo đó cung cấp cho thư viện một phòng chứa 740 cuốn sách (được thượng nghị sĩ Samuel Dexter mua trong những năm trước đó), thiết lập nội quy thư viện và bổ nhiệm giám đốc thư viện đầu tiên, John Beckley. Vào tháng Tư 1802, ông đã thiết lập mục lục đầu tiên với việc xếp sách theo kích cỡ (khổ sách).

Năm 1812, thư viện sử dụng khung phân loại thư viện Philadelphia, lần đầu tiên có sự tiếp cận chủ đề. Khung phân loại này dựa trên một phóng tác của hệ thống Bacon được dùng trong bách khoa toàn thư của Diderot và d'Alembert. Thư viện Quốc hội chỉ dùng 18 trong 31 lớp chính của Philadelphia, và trong khoảng ở giữa mỗi lớp, sách được tiêu phân theo kích cỡ và xếp theo thứ tự chữ cái.

Năm 1814, điện Capitol bao gồm cả Thư viện Quốc hội bị quân Anh đốt cháy và hầu hết sách đều bị thiêu rụi. Tổng thống Thomas Jefferson đã bán cho Quốc hội thư viện riêng của ông ta với khoảng 7.000 cuốn sách, thư viện này được tổ chức phân loại theo vị trí cố định gồm 44 lớp và lại dựa vào Bacon/d'Alembert. Năm 1815, thư viện được chấn chỉnh lại và tồn tại trên địa điểm đó cho đến 1897, và sau đó được dời vào tòa nhà mới. Tại thời điểm này, Thư viện Quốc hội nghiên cứu việc thay đổi khung phân loại. Một số khung phân loại ứng viên là Khung phân loại DDC, khung Phân loại Mở rộng Cutter (*Cutter's Expansive Classification*), và khung Hartwig's Halle. Trong những khung này, khung Phân loại Mở rộng của Charles Ammi Cutter là thích hợp với nhu cầu của Quốc hội nhất. Cutter đã sẵn lòng chỉnh sửa lại hệ thống của mình cho phù hợp với Thư viện Quốc hội hơn.

Năm 1899, Tiên sĩ Herbert Putman, giám đốc thư viện mới được bổ nhiệm, đã quyết định phân loại lại toàn bộ sưu tập thư viện. Herbert Putman và người cộng sự Charles Martel, biên mục viên trưởng, đã chọn chính khung phân loại do mình phát triển dựa trên nền tảng Phân loại Mở rộng của Cutter có tham khảo thêm khung phân loại DDC, ấn bản lần thứ năm. Đây chính là khung phân loại LCC sau này. Ký hiệu của khung phân loại LCC là kết hợp giữa chữ cái và số Ả Rập; trong khi ký hiệu của khung Phân

loại Mở rộng Cutter chỉ toàn chữ; và kí hiệu của khung phân loại DDC thì toàn số.

Xuất bản và quản lí LCC

Phòng công tác biên mục của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ chịu trách nhiệm quản lí chung về hệ thống phân loại. Khung phân loại là đồ sộ, xuất bản nhiều tập; ngay cả một vài môn loại chính cũng được xuất bản thành nhiều phân bởi vì chiều dài của bảng chính. Khác với khung phân loại DDC, Thư viện Quốc hội chưa bao giờ “trình làng” toàn bộ khung phân loại cùng xuất bản mới một lúc, nhưng từng tập riêng lẻ thì được cập nhật khi cần thiết.

Mỗi bảng chính (schedule) được phát triển bởi từng nhóm chuyên gia đề tài riêng, và được tiến hành dần dần trong suốt cả thế kỉ. Bảng thứ nhất, E-F Lịch sử: Mĩ (Tây bán cầu) xuất bản năm 1901; tiếp tục 1902 bởi Z Thư mục học. Thư viện học. Bảng môn loại Luật đầu tiên – Luật Hoa Kỳ xuất bản năm 1969 và các bảng môn loại Luật khác vẫn đang phát triển.

Những phiên bản của khung phân loại LCC bao gồm:

- *Library of Congress Classification* – Bản in.
- *Classification Plus* (Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ xuất bản).
- *SuperLCCs: Gale's LCC schedules* kết hợp với *Additions and Changes* (gồm bản in và CD-ROM).
- *Classweb: hay Classification Web* là phiên bản trực tuyến của LCC tại địa chỉ: <http://classificationweb.net/>. *Classweb* bao gồm:
 - Browse Classification Schedules (*Dò tìm bảng chính*)
 - Classification Search (*Truy tìm phân loại*)
 - LC Subject Headings (*Bộ tiêu đề chủ đề LC – LCSH*)
 - Genre/Form Headings (*Tiêu đề hình thức*)
 - Juvenile Subject Headings (*Bộ tiêu đề chủ đề thiếu nhi*)
 - LC Subject Heading & LC Classification Number Correlations (*Tương quan giữa tiêu đề chủ đề LC với chỉ số phân loại LCC*)
 - LC Subject Heading & Dewey Classification Correlations* (*Tương quan giữa tiêu đề chủ đề LC với chỉ số phân loại DCC*)
 - LC Classification & Dewey Classification Correlations* (*Tương quan giữa chỉ số phân loại LCC với chỉ số phân loại DCC*)

Trong thập niên 1900, bản điện tử LCC được phát hành trên CD-ROM khiến việc dò tìm và phân loại dễ dàng hơn. Năm 2002, được thay thế bằng Classweb, một phiên bản trực tuyến của khung phân loại LCC và bộ tiêu đề chủ đề của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ – LCSH. Địa chỉ web www.loc.gov là nơi tốt nhất để tìm thông tin về khung phân loại LCC, và tất nhiên hệ thống mục lục của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ là nguồn dữ liệu phân loại tuyệt vời về những biểu ghi thư tịch.

Rõ ràng việc truy cập miễn phí vào những biểu ghi cũng như dịch vụ thư tịch do Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ cung cấp đã tác động đến quyết định chọn khung phân loại này của nhiều thư viện.

Những đặc tính cơ bản của LCC

1. Đặc tính dựa trên sự phát triển sưu tập

Đặc tính cơ bản nhất của khung phân loại LCC là dựa trên sự phát triển sưu tập (literacy warrant) có nghĩa là những lớp trong khung phân loại được tạo nên từ việc phân loại cụ thể tài liệu trong sưu tập chứ không phải dựa trên những phân tích lí thuyết của tri thức, tư liệu học hay triết học.

Đây nhất thiết không phải là một điều không tốt, bởi vì bất cứ một hệ thống phân loại thư tịch nào cũng đều phản ánh chủ đề như chúng hiện hữu trong tài liệu để phân loại hơn là trong một quan điểm trừu tượng của thế giới. Vấn đề nảy sinh là bởi vì trường hợp LCC là đề đối phó với chỉ một thư viện.

Ngày nay, với nhiều thư viện sử dụng LCC, và với nhiều thư viện liên quan đến những dự án biên mục hợp tác, thế giới bên ngoài đã chịu ảnh hưởng Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ nhiều hơn trong quá khứ. Những thư viện cũng có thể đề nghị thêm những lớp hay tiêu đề mới để bổ sung vào hệ thống của Thư viện Quốc hội. Quả thật, nếu ta so sánh giữa Classweb với hệ thống mục lục của Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ thì ta thấy sự khác nhau về nội dung giữa hai hệ thống, điều này cách đây 20 năm là không có.

2. Đặc tính liệt kê

Nếu phân cấp là đặc tính của khung phân loại DDC, phân tích - tổng hợp là đặc tính của khung phân loại UDC, thì liệt kê (enumerative) là đặc tính của khung phân loại LCC. Hơn thế nữa, bản chất liệt kê là đặc tính quan trọng nhất của khung phân loại LCC. LCC là ví dụ đầu tiên về hệ thống phân loại liệt kê, có nghĩa rằng hệ thống liệt kê tất cả những môn loại mà nó có thể. Phương cách tiếp cận này trái ngược với

những hệ thống phân tích - tổng hợp như UDC và BC1 (ấn bản lần thứ nhất của khung phân loại thư mục Bliss), và những khung theo diện như khung phân loại Hai chấm và BC2 (ấn bản lần thứ hai của khung phân loại thư mục Bliss). Trong những khung phân loại như thế này, người ta có thể xây dựng những kí hiệu môn loại/ lớp phản ánh những phân tạo nên một nội dung của tài liệu, và như thế số lượng những môn loại tiềm năng là lớn hơn nhiều so với những môn loại thực được liệt kê.

Trong một khung phân loại liệt kê, những chủ đề kép và phức là được liệt kê sẵn trong khung phân loại, và thường thì ta không thể cộng thêm những gì vào đó. Điều này khiến cho những đề tài mới khó có được chỉ số phân loại cho đến khi Thư viện Quốc hội chính thức thêm vào hệ thống.

Thêm vào đó, những bảng chính là dài hơn nhiều và phức tạp hơn những khung phân loại khác. Điều này chủ yếu là do sự lặp đi lặp lại một cách thường xuyên những khía cạnh thông thường mà có thể được thêm vào một cách kinh tế từ những bảng chính tổng hợp hay bảng phụ; LCC lặp lại một cách thường xuyên ngay cả những kí hiệu thông thường như tiêu phân mục hình thức và thời kì lịch sử dưới những lớp chủ đề riêng.

Khung phân loại LCC cũng thiếu giá trị gợi nhớ khi những kí hiệu của những khía cạnh thông thường thì luôn luôn không nhất quán theo cách thông thường như ở những khung phân loại khác.

Về mặt tích cực, tính liệt kê đảm bảo rằng khung phân loại là rất đơn giản để sử dụng vì những tùy chọn bị hạn chế khắt khe và người phân loại không đòi hỏi phải nỗ lực nhiều về mặt trí tuệ.

3. Đặc tính sắp xếp chủ đề theo thứ tự chữ cái

Đặc tính đặc sắc thứ ba của LCC là việc sử dụng trên phạm vi rộng trật tự chữ cái để sắp xếp chủ đề. Chủ đề được xếp theo thứ tự chữ cái, ngay khi bất kì chi tiết nào của chủ đề được yêu cầu, LCC thường chọn cách sắp xếp theo thứ tự chữ cái của đề tài. Dĩ nhiên đây thực sự không phải là cách sắp xếp theo hệ thống, và trật tự có được không luôn luôn hữu ích lắm vì một cách tự nhiên nó không thiết lập mối quan hệ nào theo chủ đề.

Danh sách dưới đây được trích từ lớp văn học và cung cấp về thi ca theo chủ đề. Chủ đề trong danh sách này là bằng tiếng Anh được xếp theo thứ tự chữ cái.

PR1195.L3 Labor. Working class (*Lao động. Lớp làm việc*)

PR1195.L34 Landscape (*Cảnh quan*)

PR1195.L37 Law and lawyers (*Luật pháp và luật sư*)

PR1195.L6 London

PR1195.L8 Lullabies (*Bài hát ru con*)

PR1195.L85 Luther, Martin

PR1195.M15 Machinery (*Cơ khí*)

PR1195.M2 Madrigals (*Thơ trữ tình*)

PR1195.M22 Magic (*Ảo thuật*)

PR1195.M24 Manners and custom (*Phong tục và tập quán*)

PR1195.M33 Medicine (*Y học*)

PR1195.M53 Mice (*Chuột*)

PR1195.M6 Monster (*Quỷ sứ*)

PR1195.M63 Mothers (*Mẹ*)

PR1195.M65 Mountains (*Núi*)

PR1195.M8 Mythology (*Thần thoại*)

Tiện lợi của việc sắp xếp chủ đề theo trật tự chữ cái là mỗi khi được cập nhật thì đề tài mới thường có thể được chèn vào không gây khó khăn.

Chỉ số phân loại LCC

Khung phân loại LCC là một hệ thống liệt kê. LCC sử dụng những chỉ số phân loại để liệt kê chủ đề phản ánh toàn bộ tri thức. Chỉ số này là một hỗn hợp giữa kí tự và con số (chữ và số).

Kí hiệu phân loại LCC kết hợp với số Cutter và năm xuất bản tạo nên một kí hiệu xếp giá rất khác biệt với những hệ thống phân loại khác.

1. Kí hiệu phân loại

Ngoài tổ hợp giữa chữ và số, chỉ số phân loại LCC không dùng bất kì một dấu hiệu nào khác ngoài dấu chấm (.) và thông thường là dấu chấm thập phân.

Một kí hiệu lớp tiêu biểu bao gồm hai kí tự và một con số từ 1 đến 9999. Ví dụ:

A. TS1865 Dù và lọng

- B. BF1775 Mê tín dị đoan
- C. HE6183 Tem thư

Trong một lớp nhiều chi tiết, thì phân lớp thường là ba kí tự, chẳng hạn như Luật pháp, và lớp chính bắt đầu chỉ một kí tự. Ví dụ:

- A. KDE540 Luật hình sự Bắc Ireland
- B. KNP501 Luật hành chính Đài Loan
- C. B42 Tự điển triết học Pháp và Bỉ
- D. Thư mục tập hợp khoa học xã hội

Hai ví dụ sau cũng minh họa những cấp độ tiền kết hợp rất gọn gàng trong khung phân loại LCC; trong những khung phân loại khác, quan niệm hình thức, như “tự điển” hay “thư mục”, và ngôn ngữ sẽ được đặt trong những bảng phụ.

Những con số được sắp xếp theo thứ tự số, có nghĩa là theo thứ tự giá trị của con số (chứ không phải phản ánh nội dung như trong phân loại DDC).

Bởi vì LCC có một cơ sở kí hiệu rộng rãi (sử dụng bảng chữ cái cho lớp chính cộng với 10 chữ số, và 36 kí tự cùng nhau tạo nên phân lớp) nên có những kí hiệu lớp tương đối ngắn đối với những chủ đề rất chi tiết.

2. Số Cutter

Thuật ngữ “số Cutter” được dẫn xuất từ tên Charles Ammi Cutter, người đã hình thành ý tưởng sử dụng những kí hiệu chữ và số để sắp xếp sách theo thứ tự chữ cái đối với một môn loại đã cho. Và chính ông là người đề xuất thông tin tác giả được trình bày dưới hình thức mã hóa họ và tên tác giả được sắp xếp vào một bảng theo thứ tự chữ cái.

Bảng đầu tiên do Cutter phát minh là một bảng tác giả hai con số về sau được Kate Sanborn mở rộng thành ba con số và xuất bản năm 1969 với tựa đề “Cutter-Sanborn Three-Figure Author Table”.

Bảng “Cutter-Sanborn Three-Figure Author Table” hay bất kì một bảng Cutter mang tính quốc gia nào khác hiện nay là để liệt kê danh sách họ tên những tác giả đã được mã hóa dựa vào tần số xuất hiện của họ kết hợp với tên tác giả nào đó trong cộng đồng. Bảng Cutter của cộng đồng nào thì phù hợp với cộng đồng đó. Không có một bảng Cutter nào phù hợp cho toàn bộ sưu tập của một thư viện tổng hợp nhiều nguồn tài liệu.

Mặc dù ứng dụng ban đầu của số Cutter là chỉ dùng để cung cấp việc sắp xếp “tác giả” cá nhân, khó khăn phát sinh là khi không có tên tác giả cá nhân. Ngày nay, số Cutter được dùng cho dẫn mục chính, nếu dẫn mục chính không phải là tên tác giả cá nhân (chẳng hạn như nhan đề, tên cơ quan, tên hội nghị) thì ta phải tạo ra số Cutter để thay thế.

Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ đã sửa đổi bảng Cutter để phục vụ những nhu cầu chuyên biệt của sưu tập của họ. Và hiện nay có một bảng Cutter dành riêng cho khung phân loại LCC được tổ chức khá độc đáo: Người phân loại dựa vào bảng Cutter này để tự mã hóa thông tin theo nội dung từng tài liệu một cách linh hoạt chứ không phải chỉ dựa vào mã số cố định cho từng tác giả trong các bảng Cutter thông thường.

Số Cutter được dùng trong LCC với hai mục đích:

- như là phần mở rộng của chỉ số phân loại;
- như là một số bản sách hay số sách.

Bảng Cutter của LCC được dùng nhiều cách khác nhau:

- cung cấp một kí hiệu xếp giá đồng nhất, dựa vào dẫn mục chính của một tác phẩm;
- cho biết nhan đề chuyên biệt của tác phẩm đã cho;
- cho biết vùng địa lí theo tác phẩm;
- cho biết một đề tài chuyên biệt theo tác phẩm;
- xếp giá những tác phẩm nào đó tại chỉ số phân loại đã cho ở trước hay sau những chỉ số khác.

Một số Cutter:

- bắt đầu bằng kí tự đầu tiên của một từ;
- theo sau bởi một số thập phân xuất phát từ kí tự thứ hai và kế tiếp của từ đó;
- luôn luôn đi sau một dấu chấm thập phân;
- sử dụng bảng Cutter của LCC để hình thành.

Ví dụ:

- Số Cutter theo tác giả “Nguyễn” là .N58

- Số Cutter theo nhan đề “Cơ sở khoa học thông tin và thư viện” là .C67
- Số Cutter theo tác giả cơ quan “Đại học Sài Gòn” là .D35
- Số Cutter theo nơi chốn “Hà Nội” là .H36
- Số Cutter theo đề tài “Career development” là .C37
- Số Cutter cho ấn phẩm định kì là .A1

3. Kí hiệu xếp giá

Kí hiệu xếp giá là số nằm ở trên nhãn của một tài liệu thư viện cho biết vị trí của tài liệu trên giá sách. Kí hiệu gồm chữ và số. Thường bao gồm chỉ số phân loại và chỉ số sách như sau:

- bắt đầu với 1,2,hay 3 kí tự
- tiếp đến là một số lên đến 4 con số
- thường được theo sau bởi dấu chấm thập phân
- theo sau bởi một kí hiệu chữ và số (số Cutter)
- cuối cùng là năm xuất bản

Ví dụ: Kho A

01. NA

02. 7105

.D56

2007

Kí hiệu xếp giá có thể được viết theo nhiều cách như sau:

A. NA7105	LC929.3.T5.B35 2009	QA
.D58		76
		.7
		.S36
		2008
		2007

Trong biểu ghi MARC, kí hiệu xếp giá được trình bày như trên nhưng không có dấu thập phân và được phân chia bằng những dấu phân cách. Ví dụ:

A. CAL ab PS3525.E6645 A6 2007

Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ bắt đầu thêm năm xuất bản đối với một kí hiệu xếp giá bắt đầu từ năm 1982, (trường MARC – 260).

Ở Hoa Kỳ, người ta gọi khung phân loại LCC và DCC là hoàng đế và nữ hoàng (king and queen) đã và đang thống trị trong vương quốc phân loại thư viện hàng chục năm nay (Eleanor S. Y. Lo). Ngày nay, hai khung phân loại này đã vượt ra khỏi biên giới Hoa Kỳ, song hành với nhau chiếm lĩnh vị trí quan trọng về dữ liệu thư tịch (bibliographic data) trong những kho tin cũng như cơ sở dữ liệu khổng lồ trên thế giới.

Hiện nay ở nước ta một số ít thư viện bắt đầu sử dụng khung phân loại LCC và xu hướng này ngày sẽ càng tăng. Khoa Thư viện-Thông tin trường đại học Sài Gòn bắt đầu giảng dạy Phân loại LCC cho sinh viên đại học từ năm học 2009- 2010 trong học phần “Phân loại 2 – LCC”, giáo trình giảng dạy học phần này là: Thực hành phân loại DDC và LCC / Nguyễn Minh Hiệp. – TP. Hồ Chí Minh : Nxb. Giáo dục, 2010.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Broughton, Vanda. Essential Classification. – New York: Schuman Publishers, Inc., 2004.
2. Chan, Lois Mai. Cataloging and Classification: An Introduction. – 3rd edition. – Lanham, Md.: Scarecrow Press, 2007.
3. Chan, Lois Mai. A Guide to the Library of Congress Classification. – 5th edition. – Englewood, Colorado: Libraries Unlimited, Inc, 1999.
4. Learn Library of Congress Classification/Dittmann, Helena, Hardy, Jane. – Canberra: DocMatrix Pty Ltd, 2000.
5. Nguyễn Minh Hiệp. Cơ sở khoa học thông tin và thư viện. – TP. Hồ Chí Minh: Giáo dục, 2008.
6. Nguyễn Minh Hiệp. Thực hành phân loại DDC và LCC – TP. Hồ Chí Minh: Giáo dục, 2010.

ThS. Nguyễn Minh Hiệp

GD. Thư viện ĐH Khoa học Tự nhiên TP. HCM

Nguồn: Tạp chí Thư viện Việt Nam số 2(28) – 2011 (tr.36-41)